

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Tài chính - Ngân hàng**, Chuyên ngành: **Tài chính doanh nghiệp** (Corporate Finance)

Mã ngành: 52340201

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: tài chính – Ngân hàng - Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân Tài chính doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức chuyên ngành tài chính và những kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân Tài chính doanh nghiệp, sinh viên đạt được:

- Phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức cá nhân và có trách nhiệm đối với xã hội;
- Kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội và kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết vấn đề thực tế;
- Năng lực tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động tài chính ở các doanh nghiệp và các tổ chức hành chính, sự nghiệp hoặc trong các chương trình/dự án;
- Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong nhóm cũng như làm việc độc lập trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế;
- Kỹ năng tự học và tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- Hiểu biết những nguyên lý kinh tế vĩ mô và các vấn đề kinh tế trong doanh nghiệp;
- Có kiến thức cơ bản về thống kê, toán ứng dụng trong kinh doanh, và các công cụ phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính;
- Có kiến thức cơ bản về tài chính, quản trị và pháp luật trong kinh doanh.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức một cách hệ thống trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp và các tổ chức tài chính;
- Có kiến thức về công tác quản trị tài chính doanh nghiệp, phân tích hoạt động kinh doanh;
- Có kiến thức về phân tích và đánh giá rủi ro trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp;
- Lập và thẩm định dự án kinh doanh.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- Vận dụng đúng quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề kinh tế nói chung và các vấn đề trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp nói riêng;
- Thực hiện các công việc cơ bản về lập kế hoạch tài chính và ra quyết định liên quan đến tài chính doanh nghiệp;
- Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp;
- Thu thập, tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính trong doanh nghiệp;
- Phân tích chính sách doanh nghiệp và giám sát, quản lý hoạt động tài chính doanh nghiệp;
- Tự học hỏi và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Giao tiếp, phỏng vấn, thuyết trình;
- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Tư duy hệ thống và sáng tạo trong công việc;
- Nhận biết sự tương tác giữa các vấn đề kinh tế - xã hội;
- Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên để giải quyết vấn đề linh động;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và ra các quyết định về tài chính trong doanh nghiệp;
- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để phục vụ cho giải quyết công việc và nghiên cứu.

2.3 Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên tài chính trong các tổ chức tài chính và tổ chức phi tài chính;
- Tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh để tạo lập doanh nghiệp cho bản thân;
- Nghiên cứu viên và giảng viên làm việc tại các Viện nghiên cứu về kinh tế - xã hội, các Trường Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, và các đơn vị nghiên cứu;

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, kinh tế và kinh doanh;
- Có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo bằng 2 và các bậc sau đại học trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế và kinh doanh.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra ngành Tài chính ngân hàng của Học viện Ngân hàng;
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bộ trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bộ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	2		30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			I, II
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			I, II
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
Cộng: 46 TC (Bắt buộc 31 TC; Tự chọn 15 TC)									
Khối kiến thức Cơ sở ngành									
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			I, II
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			I, II
36	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010	I, II
37	KT126	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính - Kế toán	2	2		30		KT108	I, II
38	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30			I, II
39	KT104	Marketing căn bản	3	3		45			I, II
40	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	3		45			I, II
41	KT103	Quản trị học	3	3		45			I, II
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			I, II
43	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT108	I, II
44	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45		KT111	I, II
45	KT405	Lý thuyết bảo hiểm	2	2		30			I, II
46	KL369	Luật kinh tế	2	2		30			I, II
47	KT210	Tâm lý quản lý	2		6	30			I, II
48	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3			45		KT103	I, II
49	KT201	Quản trị dự án	2			30			I, II
50	KT107	Toán kinh tế 2	2			30		KT105	I, II
51	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	3			45		KT105	I, II
52	XH007	Tâm lý học đại cương	2			30			I, II
53	KT429	Hành vi khách hàng	2			30		KT104	I, II

Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 35 TC; Tự chọn 6 TC)									
Khối kiến thức Chuyên ngành									
54	KT433	Tài chính doanh nghiệp	3	3		45		KT308	I, II
55	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106	I, II
56	KT330	Thuế	3	3		45		KT106	I, II
57	KT329	Thị trường chứng khoán	3	3		45		KT308	I, II
58	KT269	Định giá tài sản	3	3		45		KT308	I, II
59	KT309	Tài chính quốc tế	3	3		45		KT102	I, II
60	KT359	Quản trị rủi ro tài chính	3	3		45		KT308	I, II
61	KT326	Tài chính công	2	2		30			I, II
62	KT275	Anh văn chuyên ngành Tài chính - Kế toán	3	3		45			I, II
63	KT272	Đầu tư tài chính	2	2		30		KT308	I, II
64	KT339	Kế toán quản trị 1	3	3		45		KT106	I, II
65	KT231	Chuyên đề tài chính	2		2	30		KT126	I, II, III
66	KT232	Kiến tập ngành tài chính	2			60		KT126	I, II
67	KT328	Thanh toán quốc tế	3		10	45			I, II
68	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3			45		KT105	I, II
69	KT338	Đầu tư quốc tế	3			45			I, II
70	KT344	Nghiệp vụ ngân hàng	3			45		KT111	I, II
71	KT324	Quản trị Marketing	3			45		KT104	I, II
72	KT404	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			30		KT106	I, II
73	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45		KT106	I, II
74	KT342	Kế toán tài chính 2	3			45		KT106	I, II
75	KT118	Kinh tế học hành vi	3			30	30		I, II
76	KT270	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			30			I, II
77	KT271	Quản trị rủi ro kinh doanh	3		45			I, II	
78	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2		30			I, II	
79	KT222	Phân tích báo cáo tài chính	2		30		KT106	I, II	
80	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3		45			I, II	
81	KT410	Luận văn tốt nghiệp – TCDN	10		10		300	≥ 105 TC	I, II
82	KT297	Tiểu luận tốt nghiệp – TCDN	4				120	≥ 105 TC	I, II
83	KT420	Dự báo kinh tế	3			45		KT108	I, II
84	KT266	Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp	2			30		KT308	I, II
85	KT375	Kế toán và khai báo thuế	2			30		KT330	I, II
86	KT226	Quản trị tài chính các công ty đa quốc gia	3			45		KT102	I, II
Cộng: 53 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 22 TC)									
Tổng: 140 TC (Bắt buộc: 97 TC; Tự chọn: 43TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH**

Ngày tháng năm 2017
**KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA**

Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Võ Thành Danh